

Số: 257/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 583/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phạm Thị Thảo N, sinh năm 2004;

Nơi cư trú: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Thái Hoàng Tuấn A, sinh năm 2005;

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, ông A và bà N cùng nộp đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông A và bà N thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vào ngày 21/4/2026. Ông A cư trú tại xã Đ, tỉnh Đồng Nai và bà N cư trú tại xã N, tỉnh Đồng Nai. Ông A và bà N đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định; Do đó, đơn yêu cầu của ông A và bà N được Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà Phạm Thị Thảo N và ông Thái Hoàng Tuấn A chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 259/2025 ngày 24/12/2025. Ông A và bà N xác định có 01 con chung tên Thái Ngọc Bảo A1, sinh ngày 13/7/2023. Sau khi ly hôn ông A1 và bà N thống nhất thỏa thuận để bà N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái Ngọc Bảo A1. Ông A1 tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông A1 và bà N thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A1 và bà N thừa nhận trong quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông A1 và bà N xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông A1 và bà N thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của ông A1 và bà N đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và của con chung; Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai chấp nhận đơn yêu cầu của ông A1 và bà N.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thảo N và ông Thái Hoàng Tuấn A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông A thống nhất giao cháu Thái Ngọc Bảo A1, sinh ngày 13/7/2023 cho bà Phạm Thị Thảo N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bà N và ông A1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà N và ông A1 khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N và ông A1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Phạm Thị Thảo N và ông Thái Hoàng Tuấn A mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà N, ông A đã nộp theo

biên lai thu số 0007970 ngày 07 tháng 4 năm 2026. Bà N, ông A đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Bảo